

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẶNG THÙY TRÂM

Biểu mẫu 06
(Kèm theo Thông tư Số: 36/2017/TT-
BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Quận 7, ngày 08 tháng 09 năm 2021

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế,
cuối năm học 2020 - 2021

Đơn vị: học sinh

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1165	198	227	319	238	183
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1165	198	227	319	238	183
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1035 (88.8%)	185 (93.4%)	198 (87.2%)	277 (86.8%)	205 (86.1%)	170 (92.9%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	130 (11.2%)	13 (6.6%)	29 (13.2%)	42 (13.2%)	33 (13.9%)	13 (7.1%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)					
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
	1. Tiếng Việt	1165	198	227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	728 (62.5%)	169 (85.4%)	91 (40.1%)	205 (64.3%)	133 (55.9%)	130 (71%)
	Hoàn thành	434 (37.3%)	29 (14.6%)	134 (59%)	113 (35.4%)	105 (44.1%)	53 (29%)
	Chưa hoàn thành	3 (0.2%)		2 (0.9%)	1 (0.3%)		
	2. Toán	1165	198	227	319	238	183

	Hoàn thành tốt	734 (63%)	178 (89.9%)	114 (50.2%)	175 (54.9%)	138 (58%)	129 (70.5%)
	Hoàn thành	429 (37%)	20 (10.1%)	111 (49.8%)	144 (45.1%)	100 (42%)	54 (29.5%)
	Chưa hoàn thành						
	3. Đạo đức	1165	198	227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	1052 (90.3%)	177 (89.4%)	193 (85%)	283 (88.7%)	219 (92%)	180 (98.4%)
	Hoàn thành	113 (9.7%)	21 (10.6%)	34 (15%)	36 (11.3%)	19 (8%)	3 (1.6%)
	Chưa hoàn thành						
	4. Tự nhiên và Xã hội	744	198	227	319		
	Hoàn thành tốt	613 (82.4%)	179 (90.4%)	180 (79.3%)	254 (79.6%)		
	Hoàn thành	131 (17.6%)	19 (9.6%)	47 (20.7%)	65 (20.4%)		
	Chưa hoàn thành						
	5. Hoạt động trải nghiệm	198	198				
	Hoàn thành tốt	174 (87.9%)	174 (87.9%)				
	Hoàn thành	24 (12.1%)	24 (12.1%)				
	Chưa hoàn thành						
	6. Khoa học	421				238	183
	Hoàn thành tốt	362 (86%)				187 (78.6%)	175 (95.6%)
	Hoàn thành	59 (14%)				51 (21.4%)	8 (4.4%)
	Chưa hoàn thành						
	7. Lịch sử và Địa lý	421				238	183
	Hoàn thành tốt	301 (71.5%)				136 (57.1%)	165 (90.2%)
	Hoàn thành	120 (28.5%)				102 (42.9%)	18 (9.8%)
	Chưa hoàn thành						
	8. Âm nhạc	1165	198	227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	1105 (94.8%)	187 (94.4%)	211 (93%)	299 (93.7%)	226 (95%)	182 (99%)

	Hoàn thành	60 (5.2%)	11 (5.6%)	16 (7%)	20 (6.3%)	12 (5%)	1 (1%)
	Chưa hoàn thành						
	9. Mĩ thuật	1165	198	227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	1055 (90.6%)	182 (41.4%)	202 (89%)	278 (87.1%)	211 (88.7%)	182 (99%)
	Hoàn thành	110 (9.4%)	16 (58.6%)	25 (11%)	41 (12.9%)	27 (11.3%)	1 (1%)
	Chưa hoàn thành						
	10. Thủ công, Kĩ thuật	546		227	319		
	Hoàn thành tốt	391 (71.6%)		162 (71.4%)	229 (71.8%)		
	Hoàn thành	155 (28.4%)		65 (28.6%)	90 (28.2%)		
	Chưa hoàn thành						
	11. Thể dục	1165	198	227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	1090 (93.6%)	188 (95%)	227 (100%)	254 (79.6%)	238 (100%)	183 (100%)
	Hoàn thành	75 (6.4%)	10 (5%)	0 (0%)	65 (20.4%)	0 (0%)	0 (0%)
	Chưa hoàn thành						
	12. Ngoại ngữ	967		227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	675 (69.8%)		180 (79.3%)	235 (73.7%)	143 (60.1%)	117 (63.9%)
	Hoàn thành	292 (30.2%)		47 (20.7%)	84 (26.3%)	95 (39.9%)	66 (36.1%)
	Chưa hoàn thành						
	13. Tin học	967		227	319	238	183
	Hoàn thành tốt	749 (77.5%)		188 (82.8%)	245 (76.8%)	165 (69.3%)	151 (82.5%)
	Hoàn thành	218 (22.5%)		39 (17.2%)	74 (23.2%)	73 (30.7%)	32 (17.5%)
	Chưa hoàn thành						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1165	198	227	319	238	183
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1162 (99.7%)	198 (100%)	225 (99.1%)	318 (99.7%)	238 (100%)	183 (100%)

	Trong đó:						
2	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	750 (64.4%)	159 (80.3%)	125 (55.1%)	212 (66.5%)	115 (48.3%)	139 (76%)
3	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	89 (7.6%)	1 (0.5%)		23 (7.2%)	24 (10.1%)	41 (22.4%)
4	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.3%)	0 (0%)	2 (0.9%)	1 (0.3%)	0 (0%)	0 (0%)

NGƯỜI LẬP BẢNG

Kphl

Nguyễn Thị Kim Phụng

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Ngọc Nga